1. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

M: 7dm = $\frac{7}{10}$ m = 0,7m

5dm = $\frac{5}{10}$ m = ... m

2mm = $\frac{2}{1000}$ m = ... m

4g = $\frac{4}{1000}$ kg = ... kg

M: 9cm = $\frac{9}{100}$ m = 0,09m

3cm = $\frac{3}{100}$ m = ... m

8mm = $\frac{8}{1000}$ m = ... m

6g = $\frac{6}{1000}$ kg = ... kg

LIVEWORKSHEETS

2. Nối cách đọc các số thập phân sao cho phù hợp:



0,02	Tám mươi tám phẩy mười ba.
6,25	Một phẩy một trăm bảy mươi tám.
88,13	Không phẩy không hai.
1,178	Sáu phẩy hai mươi lăm.

LIVEWORKSHEETS

3. Viết các hỗn số sau thành số thập phân:

$5\frac{9}{10}$ = ____ Đọc là: ____

$82\frac{45}{100}$ = ____ Đọc là: ____

$401\frac{124}{1000}$ = ____ Đọc là: ____

